

TỔNG CTY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CÔNG TY CP BỘT MỖ VINAFOOD 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 179/TT- VNF1FLOUR-HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood1,

Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 để chính thức ban hành theo quy định.

Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế được đính kèm Tờ trình và đọc toàn văn tại Đại hội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu: VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Phạm Văn Sơn

DỰ THẢO**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CP BỘT MỖ VINAFOOD 1
NĂM 2021**

Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, căn cứ đề xuất sửa
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	Khoản 2 Điều 2 2. “Luật Doanh nghiệp” được hiểu là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014. Khoản 3 Điều 2 3. “Luật Chứng khoán” được hiểu là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006.	Khoản 2 Điều 2 2. “Luật Doanh nghiệp” được hiểu là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/06/20 Khoản 3 Điều 2 3. “Luật Chứng khoán” được hiểu là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 06/12/2019.	Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.
	Khoản 9 Điều 2 9. “Người có liên quan” được hiểu là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp được quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán, và Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	Khoản 9 Điều 2 9. “Người có liên quan” quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019	Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật chứng khoán 2006.
Điều 7 Bảo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại cuộc	Điều 7 Bảo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thực hiện theo quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải bảo đảm có các nội dung sau: 1. Thu lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị	Điều 7 Bảo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:	Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014

<p>đồng cổ đồng thường niên</p>	<p>theo quy định tại khoản 3, Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 2. Tổng kết các cuộc họp Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; 3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có); 4. Kết quả giám sát đối với giám đốc, người điều hành khác; 5. Các kế hoạch trong tương lai.</p>	<p>1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; 2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; 3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có); 4. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị trong trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp; 5. Hoạt động của các tiêu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có); 6. Kết quả giám sát đối với Giám đốc; 7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác; 8. Các kế hoạch trong tương lai</p>	<p>Lưu Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014</p>
<p>Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	<p>Điều 8 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên ngoài các nội dung theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp còn phải đảm bảo có các nội dung sau: 1. Thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; 2. Tổng kết các cuộc họp Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát; 3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty; 4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.</p>	<p>Điều 8 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên ngoài các nội dung theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp còn phải đảm bảo có các nội dung sau: 1. Thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; 2. Tổng kết các cuộc họp Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát; 3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;</p>	<p>Lưu Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014</p>

	5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông	4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác. 5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông	
Điều 17. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	Điều 17 Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp và được quy định tại Điều 33 Điều lệ công ty. Ngoài ra, thành viên Hội đồng Quản trị cần có phẩm chất và năng lực sau: - Có tư chất lành đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức; nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý, nhân viên của Công ty; - Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý; - Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả	Điều 17 Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và được quy định tại Điều 33 Điều lệ công ty. Ngoài ra, thành viên Hội đồng Quản trị cần có phẩm chất và năng lực sau: - Có tư chất lành đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức; nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý, nhân viên của Công ty; - Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý; - Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả	Lưu ý Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014
Điều 20. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Điều a Khoản 1 Điều 20 1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a) Phát hiện thành viên Hội đồng quản trị không đủ tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp	Điều a Khoản 1 Điều 20 1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a) Phát hiện thành viên Hội đồng quản trị không đủ tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;	Lưu ý Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014

<p>Điều 29. Kiểm soát viên</p>	<p>Khoản 2 Điều 29</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p>	<p>Khoản 2 Điều 29</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.</p>
<p>Điều 39. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.</p>	<p>Khoản 2 Điều 39</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp khi có đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn từ các đối tượng được quy định tại Khoản 4 Điều 153 Luật Doanh Nghiệp và Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty hoặc trong các trường hợp sau:</p>	<p>Khoản 2 Điều 39</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp khi có đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn từ các đối tượng được quy định tại Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh Nghiệp và Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty hoặc trong các trường hợp sau:</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014</p>
<p>Điều 41. Giám đốc</p>	<p>Khoản 3 Điều 41</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc đã được quy định cụ thể tại Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh Nghiệp và Khoản 3 Điều 42 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Khoản 3 Điều 41</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc đã được quy định cụ thể tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh Nghiệp và Khoản 3 Điều 42 Điều lệ Công ty.</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014.</p>

<p>Điều 42. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị</p>	<p>Điểm b Khoản 1 Điều 42 b) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</p>	<p>Điểm b Khoản 1 Điều 42 b) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT MỖ VINAFOOD 1

